

Số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2021.

V/v: Ly hôn giữa chị *Trần Thị T*
và anh *Tạ Thanh V*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam và Bà Phạm Thị Tư.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số nhà 79 N, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Tạ Thanh V**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 19, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị *Trần Thị T* trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh *Tạ Thanh V* kết hôn với nhau vào ngày 02/02/2005, có đăng ký tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân đã lâu, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh *Tạ Thanh V*.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Tạ Ngọc Minh T, sinh ngày 12/12/2005, Tạ Ngọc Bảo T, sinh ngày 24/8/2010 và Tạ Hồng Tuệ M, sinh ngày 17/7/2019, hiện tại các con đang ở với chị. Khi ly hôn nguyên vọng của chị xin nuôi hết 03 con, chị đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị T về ly hôn với bị đơn anh Tạ Thanh V. Về con chung: Ý kiến của cháu T và cháu T1 đều có nguyện vọng ở với chị T; nguyện vọng của chị T cũng xin nuôi hết 03 con. Vì vậy, giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên là phù hợp; chị T đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên ghi nhận; về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét; về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị Trần Thị T và anh Tạ Thanh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36, quyển số 03/2004, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh V. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”.

Bị đơn anh Tạ Thanh V, ở địa chỉ: Hẻm số 965 N, Tổ 19, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Tạ Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Tạ Thanh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung theo chị Trần Thị T xác định: Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ghi ngày 07/9/2021 đối với ông Trần Văn H là Tổ Trưởng tổ dân phố 19, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Tạ Thanh V như thế nào thì địa phương không nắm bắt được. Hiện tại anh Tạ Thanh V, sinh năm 1980, cư trú tại hẻm số 965 N, tổ 19, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Xét hôn nhân giữa chị T và anh V lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chị T và anh V đã sống ly thân nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn lại gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Tạ Thanh V.

+ Về con chung: Vợ chồng chị T và anh V có 03 con chung là Tạ Ngọc Minh T, sinh ngày 12/12/2005, Tạ Ngọc Bảo T, sinh ngày 24/8/2010 và Tạ Hồng Tuệ M, sinh ngày 17/7/2019, hiện tại 03 con đang ở với chị T. Ý kiến của cháu T và cháu T1 đều có nguyện vọng ở với chị T; nguyện vọng của chị T xin được nuôi hết 03 con. Vì vậy, giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp. Chị T đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên ghi nhận.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Tạ Thanh V.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị T về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Tạ Thanh V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Tạ Thanh V.

3. Về con chung: Giao 03 con chung có họ và tên là Tạ Ngọc Minh T, sinh ngày 12/12/2005, Tạ Ngọc Bảo T, sinh ngày 24/8/2010 và Tạ Hồng Tuệ M, sinh ngày 17/7/2019 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành

niên. Chị Trần Thị T đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Tạ Thanh V cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và khi có lý do chính đáng thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0019163 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + UBND xã L, Tp. B;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công